

Bản án số: 22/2021/HSPT
Ngày 16/12/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hà Quang Huy;**

Các Thẩm phán: 1. Ông **Chu Đức Quế**

2. Bà **Hoàng Thị Thu Hương**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lục Thị Ánh Nguyệt** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông **Nông Văn Đồi** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 31/2021/HSPT ngày 28 tháng 10 năm 2021 đối với các bị cáo Trần Văn N, Chu Nguyễn T, Triệu Văn B, Âu Đình B do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 45/2021/HS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

*** Các bị cáo kháng cáo:**

1. Trần Văn N, Sinh ngày 20/12/1966.

Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; D tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Nơi sinh: huyện N Sơn, tỉnh Bắc Kạn; HKTT và chỗ ở hiện nay: tổ 1, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Chức vụ, Đảng, đoàn thể: Không; Trình độ học vấn: Lớp 10/10; Con ông Trần Đình D (đã chết) và bà Bùi Thị C (đã chết); Bị cáo có vợ là Đinh Thị T; Bị cáo có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án số 48/2008/HSPT ngày 17/11/2008 bị Tòa án nhân D tỉnh Bắc Kạn xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng về tội “Đánh bạc”, đã được xóa án tích; Tại Bản án số 42/2017/HSST ngày 06/9/2017 bị Tòa án nhân D huyện C xử phạt 06 tháng 13 ngày tù về tội “Đánh bạc”. Ngày 06/9/2017 chấp hành xong hình phạt tù, ngày 11/4/2019 bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án, đến thời điểm ngày 18/12/2020 bị cáo N đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 20/4/2021 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Kạn từ đó cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Chu Nguyễn T; tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 29/8/1985; Nơi sinh: Huyện C, tỉnh Bắc Kạn; HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã C, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Quốc tịch: Việt Nam; D tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ, Đảng, đoàn thể: Không; Trình

độ học vấn: 12/12; Con ông Chu Nguyễn D và bà Hoàng Thị L; Bị cáo có vợ là Ma Thị B; Bị cáo có 02 con: con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2017, tại Bản án số 48/HSST ngày 18/9/2017 bị Tòa án trên thi nhân D huyện C, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. Đến ngày 30/4/2019 chấp hành xong toàn bộ hình phạt, đã được xóa án tích.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Tại ngoại tại địa phương, có mặt tại phiên tòa.

3. Triệu Văn B; tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 04/10/1971; Nơi sinh: Huyện C, tỉnh Bắc Kạn; NĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Quốc tịch: Việt Nam; D tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ, Đảng, đoàn thể: Không; Trình độ học vấn: Lớp 3/12, Con ông: Triệu Văn Q (Đã chết) và bà Hứa Thị Đ (đã chết); Bị cáo có vợ là Trần Thị T (đã ly hôn); Bị cáo có 03 con: con lớn đã đi lấy chồng, con thứ hai sinh năm 2008, con út sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án số 39/2009/HSPT ngày 18/11/2009 bị Tòa án nhân D huyện C, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng về tội “Đánh bạc”. Đến nay đã chấp hành xong toàn bộ hình phạt, đã được xóa án tích.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Tại ngoại tại địa phương, có mặt tại phiên tòa.

4. Âu Đình B; tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 26/11/1968; Nơi sinh: Huyện C, tỉnh Bắc Kạn; NĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Quốc tịch: Việt Nam; D tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ, Đảng, đoàn thể: Không; Trình độ học vấn: Lớp 7/10; Con ông Âu Đình T (đã chết) và bà Lương Thị Tư (đã chết); Bị cáo có vợ là Vũ Thị H; Bị cáo có 03 con: con lớn sinh năm 1991, con út sinh năm 2005; Tiền sự: Không.

Tiền án: 01 tiền án. Năm 2019, tại Bản án số 02/2019/HSST ngày 28/02/2019 bị Tòa án nhân D huyện C xử phạt 12 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 06/02/2020 chấp hành xong hình phạt tù, đến nay chưa được xóa án tích.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Tại ngoại tại địa phương, có mặt tại phiên tòa.

*** Các bị cáo không kháng cáo:** Tòa án không triệu tập.

NHẬN THẤY:

Theo Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân D huyện C thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ, ngày 18/12/2020, Trần Văn N gọi điện thoại cho Hà Chí L trao đổi với nội dung trên xã Hòa Mục có đánh bạc không, sau đó N một mình lên xe buýt đi từ nhà tại thị trấn Đ, huyện C đến quán bán hàng của L tại thôn B, xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Cùng thời điểm đó, Phùng Thế D gọi điện thoại cho Triệu Văn B để rủ đi đánh bạc, B đồng ý, sau đó D đợi B tại khu vực gần

nhà mình thuộc xã N, huyện C. Khoảng 30 phút sau thì Triệu Văn B điều khiển xe mô tô BKS 97F7-7238 của mình đi từ nhà tại Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn đến và đón D, rồi cùng nhau đi đến quán của L. Tại quán của L, N, D, B và L ngồi uống nước sau đó rủ nhau lên khu rừng L (khu đất rừng của gia đình bà Hoàng Thị P) thuộc thôn B, xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn để đánh bạc. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, L sử dụng xe mô tô BKS 19K2-4546 của mình đèo N, Triệu Văn B đèo D cùng nhau đi lên khu rừng L, khi đi L có mang theo 01 bát sù, 01 đĩa sù, 01 bao tải, 01 mẫu tre và 01 con dao. Trong thời gian đó, Hà Đức T gọi điện thoại cho Phùng Thế D hỏi “*Đang ở đâu? Có ở nhà không*” thì được D trả lời là “*Không ở nhà, đang trên Hòa Mộc rồi*”, T hỏi tiếp “*Ở trên đấy làm gì*”, D nói “*Anh đang ở trên đồi, có mấy người đang chuẩn bị đánh bạc, có chơi thì lên đây, trên đồi L ấy*”, sau đó T một mình điều khiển xe mô tô BKS 97F2-8771 của mình từ thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Bắc Kạn đi lên khu vực rừng L; Trần Khắc B đang ở nhà tại thôn K, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn thì nhận được điện thoại của L gọi đến rủ đi đánh bạc, B đồng ý và đi từ nhà lên khu rừng L.

Tại khu rừng L, các bị cáo N, L, D, B, B, T gặp nhau, D sử dụng con dao và mảnh tre L mang theo để vót tre thành 04 mảnh và đốt cao su tạo một mặt màu đen, một mặt màu trắng làm 04 quân vị. Các bị cáo lựa chọn vị trí đánh bạc là trên đường mòn nằm giữa khu rừng, tại đây L bỏ bát sù và đĩa sù, bao tải rải ra giữa đường mòn để làm chỗ chơi bạc. Sau khi chuẩn bị xong các công cụ, phương tiện đánh bạc, N, L, D, B, B, T cùng nhau ngồi xuống xung quanh chiếc bao tải để đánh bạc dưới hình thức “*Xóc đĩa*” được thua bằng tiền Việt Nam đồng.

Khi các bị cáo đang đánh bạc thì L gọi điện thoại cho Chu Nguyễn T rủ lên rừng đánh bạc cùng mọi người. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, Tài một mình điều khiển xe mô tô BKS 20L3-0146 của mình đi từ nhà tại Thôn N, xã C, huyện C, tỉnh Bắc Kạn lên khu vực L chỉ dẫn. Thấy mọi người đang đánh bạc, Tài cũng vào tham gia đánh bạc cùng. Cùng khoảng thời gian này thì Âu Đình B một mình điều khiển xe mô tô BKS 97F6-7338 đi từ nhà tại thôn B, xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn lên khu rừng L mục đích để kiểm tra vườn cây của gia đình, trên đường đi nhìn thấy nhóm người trên đang đánh bạc và đã vào tham gia đánh bạc cùng. Tiếp đến đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, Hà Đức C cũng một mình điều khiển xe mô tô BKS 97B1-598.01 đi từ nhà tại thôn B, xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn lên khu rừng L mục đích để kiểm tra vườn cây của gia đình và gặp nhóm người trên đang đánh bạc và đã vào tham gia đánh bạc cùng. Trong suốt quá trình đánh bạc Trần Văn N là người cầm cái.

Các bị cáo đánh bạc với hình thức như sau: Số lượng người tham gia đánh bạc không hạn chế; Người cầm cái cho 04 quân vị vào 01 chiếc đĩa sù, sau đó úp chiếc bát sù lên trên che kín 04 quân vị, rồi xóc đi, xóc lại bộ bát đĩa làm 04 quân vị bên trong thay đổi vị trí và màu sắc. Sau mỗi lần xóc cái (một ván bạc) thì những người tham gia đánh bạc sẽ đặt tiền ở hai cửa chẵn hoặc lẻ tùy theo lựa chọn của từng người. Nếu cược chẵn thì sẽ để tiền phía bên tay phải của người cầm cái, cược lẻ thì sẽ để tiền phía bên tay trái của người cầm cái (do những người chơi tự quy ước với nhau). Căn cứ vào ván bạc chẵn hay lẻ sau khi mở bát để xác định người thắng, người thua trong ván bạc đó. Bạc chẵn là khi

mở bát có 04 quân bài màu đen hoặc 04 quân bài màu trắng, hoặc 02 quân bài màu trắng, 02 quân bài màu đen; Bạc lẻ là khi mở bát trong 04 quân bài có 03 quân bài màu trắng, 01 quân bài màu đen, hoặc có 03 quân bài màu đen, 01 quân bài màu trắng. hình thức thanh toán là trước khi mở bát người đánh bạc sẽ “ăn tiền” ở bên chẵn hoặc bên lẻ nếu kết tiếng bạc, ngược lại với những người đặt cược trước (gọi là cốp tiền); hoặc cái sẽ cân hai bên, tức là sau ván bạc đó người cầm cái sẽ thu tiền của những người thua trả cho những người thắng theo tỷ lệ được thua là “một ăn một”. Người cầm cái chỉ là người xóc đĩa hộ và kiểm tra hộ những người chơi, những người chơi tự cá cược với nhau, ai kết bên nào thì đặt tiền bên đó, nếu mở bát là lẻ thì bên chẵn bị mất cho người đặt bên lẻ. Đối với người cầm cái thì cũng chơi như người khác, không làm chủ, không thu lợi nhuận. Mỗi ván bạc người chơi đặt tiền để tham gia chơi ít nhất là 50.000đ, nhiều nhất là 200.000đ, nhưng chủ yếu là 50.000đ.

Đến 17 giờ cùng ngày, khi các đối tượng đang đánh bạc thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắt quả tang và tạm giữ được Trần Văn N, Trần Khắc B và Phùng Thế D, số còn lại bỏ chạy khỏi hiện trường. Tại chiếu bạc thu giữ số tiền 2.400.000đ (hai triệu bốn trăm nghìn đồng), 01 bát sứ, 01 đĩa sứ và 04 quân vị bằng tre, 01 bao tải. Cách chiếu bạc khoảng 15 mét phát hiện và thu giữ số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) tại đường mòn và 1.700.000đ (một triệu B trăm nghìn đồng) tại phía dưới ta luy âm, cùng 01 chiếc điện thoại di động. Tại hiện trường, thu giữ trên người của Phùng Thế D số tiền 2.300.000đ (hai triệu ba trăm nghìn đồng). Quá trình điều tra còn thu giữ của các bị cáo một số tài sản khác.

Ngày 20/12/2020, Chu Nguyễn T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an huyện giao nộp số tiền 550.000đ (năm trăm năm mươi nghìn đồng) và trình bày đó là số tiền bị cáo đã dùng vào việc đánh bạc.

Ngày 20/12/2021 Hà Đức T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cgiao nộp số tiền 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) và trình bày đó là số tiền bị cáo đã dùng vào việc đánh bạc.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình về thời gian, địa điểm, cách thức và số tiền chơi bạc như đã nêu ở trên. Các bị cáo khai nhận được tham gia đánh bạc với mục đích muốn kiếm tiền nhanh chóng; thừa nhận tại thời điểm bị phát hiện và bắt quả tang, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ trên chiếu bạc là 2.400.000đ, đó là số tiền dùng để đánh bạc của các bị cáo. Vật chứng là 01 chiếc bao tải, 01 bát, 01 đĩa là của Hà Chí L mang đến, 04 quân vị là do Phùng Thế D làm và chuẩn bị. Việc đánh bạc tại khu rừng của bà Hoàng Thị P thì bà Phùng không biết. Quá trình đánh bạc, không có ai thu tiền phí (tiền hồ) chơi bạc.

Trần Văn N khai nhận, trước khi đánh bạc N mang theo số tiền là 1.000.000đ (một triệu đồng) nhưng trên đường đi đã tiêu hết 50.000đ (năm mươi nghìn đồng), còn 950.000đ (chín trăm năm mươi nghìn đồng) có mục đích dùng để đánh bạc, quá trình đánh bạc N đã bị thua hết, khi đánh bạc N là người xóc cái. Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IteI mà Cơ quan CSĐT thu giữ là điện thoại của N, sử dụng để liên hệ với L trong ngày 18/12/2020.

Phùng Thế D khai nhận, D có ý định đi đánh bạc từ nhà, trước khi đi D mang theo số tiền 2.300.000đ (hai triệu ba trăm nghìn đồng) với mục đích là để đánh bạc và tiêu sài cá nhân. Khi đến vị trí đánh bạc, D vẫn còn đủ 2.300.000đ. D bỏ ra 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) trong số tiền mang theo để đánh và D đã thắng bạc, do vậy D đã cắt 200.000đ tiền gốc đã bỏ ra vào túi quần, để chung với số tiền còn lại trước đó. D thừa nhận, nếu D không thắng bạc thì D cũng sẽ tiếp tục sử dụng số tiền còn lại là 2.300.000đ để đánh bạc, nếu hết cả 2.300.000đ mà D mang theo thì D sẽ vay người khác để tiếp tục đánh bạc. Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 mà Cơ quan CSĐT thu giữ là điện thoại của D, sử dụng để liên hệ với B, T để rủ đi đánh bạc trong ngày 18/12/2020.

Hà Chí L khai nhận, trước khi đi đánh bạc L không mang theo tiền, khi đánh bạc L xin được của Trần Văn N và Âu Đình B mỗi người 50.000đ (năm mươi nghìn đồng), tổng là 100.000đ (một trăm nghìn đồng), L đã dùng số tiền đó đánh bạc và thua hết. L khai nhận, L có gọi điện thoại cho Chu Nguyễn T và Trần Văn N rủ đi đánh bạc. Chiếc xe mô tô BKS 19K2-4546 mà cơ quan CSĐT thu giữ là xe của gia đình L mua lại của người khác.

Triệu Văn B khai nhận, trước khi đánh bạc B có số tiền là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), trên đường đi đánh bạc B đã tiêu hết 75.000đ (B mười lăm nghìn đồng), còn 125.000đ (một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) B mang lên chiếu bạc và chơi thua hết, khi chơi bạc B xin được Âu Đình B 50.000đ và cũng bị thua hết, sau đó B xin được 100.000đ của Phùng Thế D (là số tiền do D đánh bạc mà có), B đã dùng số tiền này để trả tiền xe ôm đi về nhà. Chiếc xe mô tô BKS 97F7-7238 mà cơ quan CSĐT thu giữ là xe của cá nhân B.

Hà Đức C khai nhận, trước khi đánh bạc Chung không mang theo tiền, khi vào chơi ván đầu tiên thì thắng được 50.000đ, ván thứ hai thắng thêm được 50.000đ, ván thứ ba Chung đặt cả 100.000đ (số tiền vừa thắng bạc) thì bị Công an đến bắt và bị thu giữ số tiền đó trên chiếu bạc. Chiếc xe mô tô BKS 97B1 - 598.01 là tài sản của gia đình Chung. Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung mà cơ quan CSĐT thu giữ gần khu vực đánh bạc là tài sản của Chung, không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Chu Nguyễn T khai nhận, trước khi đánh bạc Tài mang theo số tiền là 1.000.000đ (một triệu đồng), với mục đích dùng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc Tài thua 450.000đ (bốn trăm năm mươi nghìn đồng), số tiền còn lại là 550.000đ (năm trăm năm mươi nghìn đồng) Tài đã cầm theo người và bỏ chạy khi Công an đến bắt. Ngày 20/12/2020, tài đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra số tiền 550.000đ nêu trên. Chiếc xe mô tô BKS 20L3 - 0146 mà Cơ quan CSĐT thu giữ là xe của gia đình Tài mua lại của người khác.

Âu Đình B khai nhận, trước khi đánh bạc Bình mang theo số tiền là 160.000đ (một trăm sáu mươi nghìn đồng), đã sử dụng vào việc đánh bạc và bị thua hết. Chiếc xe mô tô BKS 97F6-7338 mà Cơ quan CSĐT thu giữ là xe Bình mượn của Nguyễn Tiến M, Bình mượn M để đi thăm đôi cây.

Trần Khắc B khai nhận, trước khi đánh bạc B mang theo số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), đã sử dụng vào việc đánh bạc và bị thua hết. 02 chiếc điện thoại di động mà Cơ quan CSĐT thu giữ là của B, trong đó chiếc điện

thoại có gắn sim số 0368614465 là chiếc điện thoại đã sử dụng để nghe điện thoại của L rủ đánh bạc.

Hà Đức T khai nhận, trước khi đánh bạc T có 250.000đ (hai trăm năm mươi nghìn đồng), đã sử dụng vào việc đánh bạc và bị thua 200.000đ, còn lại 50.000đ khi Công an đến bắt T đã cầm và bỏ chạy, số tiền này sau đó đã nộp lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra. Chiếc xe mô tô BKS 97F2-8771 mà Cơ quan CSĐT thu giữ là xe của T, chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel T sử dụng để liên hệ với D trong đó có nội dung trao đổi địa điểm đánh bạc, T đã giao nộp lại cho Cơ quan CSĐT.

Tổng số tiền mà các bị cáo khai mang theo và sử dụng vào mục đích đánh bạc là 5.085.000đ.

Ngoài ra còn thu giữ các tài sản, đồ vật là vật chứng vụ án, số vật chứng, tài sản, đồ vật tạm giữ trên được bảo quản để xử lý theo quy định.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo đều khai nhận chỉ sử dụng tiền mặt để đánh bạc, không dùng tài sản khác để cá cược đánh bạc. Trong quá trình đánh bạc không có ai tổ chức hoặc gá bạc. Các bị cáo khai nhận đã sử dụng số tiền để đánh bạc là 5.085.000đ, tuy nhiên Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ được số tiền thực tế là 5.300.000đ tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc và 2.700.000đ không rõ nguồn gốc, mục đích sử dụng. Chưa thu được số tiền 100.000đ mà Phùng Thế D thắng bạc cho Triệu Văn B.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 45/2021/HS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn đã quyết định:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn N, Âu Đình B, Chu Nguyễn T, Triệu Văn B phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Chu Nguyễn T 08 tháng tù; Xử phạt bị cáo Triệu Văn B 10 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày các bị cáo vào trại cải tạo chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Trần Văn N 10 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo 20/4/2021.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Âu Đình B 12 tháng tù; thời hạn tính từ ngày bị cáo vào trại cải tạo chấp hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên hình phạt tù cho hưởng án treo đối với 05 bị cáo còn lại về cùng tội “Đánh bạc”, tuyên về xử lý vật chứng, hình phạt bổ sung, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 28/9/2021, bị cáo Trần Văn N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được tại ngoại; ngày 04/11/2021 bị cáo Trần Văn N có đơn thay đổi nội dung kháng cáo và kêu oan; Ngày 07/12/2021, tại biên bản xác minh đối với nội dung kháng cáo, bị cáo N thay đổi có ý kiến không kháng cáo kêu oan, không đề nghị triệu tập điều tra viên đến phiên tòa phúc thẩm và không đề nghị được sao chụp các tài liệu trong hồ sơ vụ án.

Ngày 04/10/2021, các bị cáo Âu Đình B; Chu Nguyễn T, Triệu Văn B có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Văn N thừa nhận việc xét xử là đúng người, đúng tội. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Âu Đình B xin giảm nhẹ hình phạt.

Các bị cáo Chu Nguyễn T, Triệu Văn B xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn phát biểu quan điểm: Căn cứ vào hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo nhận thấy, cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc” với mức hình phạt như án sơ thẩm là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của các bị cáo thấy rằng:

Trong giai đoạn phúc thẩm các bị cáo cung cấp các giấy tờ, tài liệu mới bổ sung, cụ thể: Bị cáo Triệu Văn B và Chu Nguyễn T nộp giấy xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của UBND xã nơi các bị cáo cư trú; Các bị cáo cung cấp biên lai thu tiền phạt bổ sung theo bản án sơ thẩm trong đó có bị cáo Tài nộp 7.200.000đ (Bảy triệu đồng), bị cáo B nộp 4.000.000đ (Bốn triệu đồng); bị cáo N nộp 1.000.000đ (Một triệu đồng); Bị cáo Bình nộp 10.200.000đ (Mười triệu hai trăm nghìn đồng). Ngoài ra bị cáo Triệu Văn B cung cấp các tài liệu: 04 Giấy chứng nhận huy chương của ông Triệu Văn Phẩm; 02 Giấy chứng nhận có thời gian công tác xyz; Giấy chứng nhận đeo huy chương; 01 Giấy chứng nhận tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất; 01 Giấy chứng nhận đeo huân chương của ông Triệu Văn P – là chú ruột của bị cáo B (vì bố chết sớm nên chú ruột là người nuôi dạy bị cáo từ khi bố chết). Bị cáo Chu Nguyễn T cung cấp Huân chương kháng chiến hạng nhất, huân chương 60 năm tuổi Đảng của ông Hoàng Hữu H có quan hệ là ông Ngoại của bị cáo. Xét thấy, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới do cấp sơ thẩm chưa có điều kiện để xem xét, do đó cần áp dụng thêm cho các bị cáo một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những nhận định trên, đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, cụ thể:

Đối với bị cáo Trần Văn N đề nghị giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng giảm mức hình phạt tù từ 8 đến 9 tháng;

Đối với bị cáo Âu Đình B đề nghị giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng giảm mức hình phạt tù từ 6 đến 7 tháng;

Các bị cáo Chu Nguyễn T; Triệu Văn B giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo.

Số tiền các bị cáo nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo.

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

XÉT THẤY:

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như bản Cáo trạng và Bản án sơ thẩm đã nêu, lời nhận tội của các bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có căn cứ để kết luận ngày 18/12/2020 tại khu rừng L (khu đất rừng của gia đình bà Hoàng Thị P) thuộc thôn B, xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, các bị cáo đang đánh bạc bằng hình thức sát phạt nhau bằng tiền thì bị Cơ quan Công an bắt quả tang và tạm giữ được Trần Văn N, Trần Khắc B và Phùng Thế D, số còn lại bỏ chạy khỏi hiện trường. Tại chiếu bạc thu giữ số tiền 2.400.000đ (hai triệu bốn trăm nghìn đồng), 01 bát sứ, 01 đĩa sứ và 04 quân vị bằng tre, 01 bao tải. Cách chiếu bạc khoảng 15 mét phát hiện và thu giữ số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) tại đường mòn và 1.700.000đ (một triệu bảy trăm nghìn đồng) tại phía dưới ta luy âm, cùng 01 chiếc điện thoại di động. Tại hiện trường, thu giữ trên người của Phùng Thế D số tiền 2.300.000đ (hai triệu ba trăm nghìn đồng). Quá trình điều tra còn thu giữ của các bị cáo một số tài sản khác.

Ngày 20/12/2020, Chu Nguyễn T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an huyện C giao nộp số tiền 550.000đ (năm trăm năm mươi nghìn đồng) và trình bày đó là số tiền bị cáo đã dùng vào việc đánh bạc.

Qua điều tra xác định tổng số tiền tất cả 9 bị cáo trong vụ án đánh bạc là 5.300.000đ (Năm triệu ba trăm nghìn đồng). Vì vậy, Bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, không oan sai. Các bị cáo không kháng cáo về tội danh, chỉ kháng cáo về phần hình phạt tù.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong vụ án các bị cáo sử dụng tiền các bị cáo dùng để đánh bạc không lớn. Bị cáo N sử dụng số tiền: 950.000đ; Bị cáo Bình sử dụng số tiền: 160.000đ; Bị cáo Tài sử dụng số tiền: 1.000.000đ còn bị cáo B sử dụng số tiền: 120.000đ để đánh bạc. Tổng số tiền tất cả 9 bị cáo trong vụ án đánh bạc được xác định là 5.300.000đ (Năm triệu ba trăm nghìn đồng).

Xem xét nội dung kháng cáo HĐXX nhận định.

* Đối với bị cáo Trần Văn N xin được giảm nhẹ hình phạt tù, HĐXX thấy rằng: Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị xét xử 02 lần bằng 02 bản án đều về tội đánh bạc và đã được xóa án tích. Cấp sơ thẩm xác định bị cáo phạm tội đánh bạc và căn cứ nhân thân, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Thành khẩn khai báo*” và bị cáo được tặng thưởng kỷ niệm chương “*Vì sự nghiệp Tòa*” Trước khi xét xử phúc thẩm, bị cáo kháng cáo kêu oan. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo N thừa nhận hành vi phạm tội của mình và khẳng định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội đánh bạc là đúng người, đúng tội, không oan sai. Tại cấp phúc thẩm bị cáo tác động người nhà nộp và cung cấp biên lai thu tiền phạt bổ sung 1.000.000đ (Một triệu đồng) theo án sơ thẩm đã tuyên, đây là tình tiết giảm nhẹ mới thể hiện thái độ ăn năn hối cải, ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo nên có căn cứ để chấp nhận giảm hình phạt tù cho bị cáo.

* Đối với bị cáo Âu Đình B có nhân thân xấu đang chịu 01 tiền án chưa được xóa án tích. Với việc thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, cấp sơ thẩm căn cứ nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Bình 12 tháng tù là phù hợp.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Bình đã nộp cho Tòa án biên lai tạm thu trước số tiền là 10.200.000đ (Mười triệu hai trăm nghìn đồng) để thi hành theo quyết định bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm, bị cáo cũng thành khẩn nhận tội và trình bày đang điều trị bệnh lao phổi nên đề nghị HĐXX xem xét giảm hình phạt. HĐXX thấy rằng, việc tự nguyện nộp số tiền 10.200.000đ (Mười triệu hai trăm nghìn đồng) để thi hành hình phạt bổ sung của bản án sơ thẩm đã thể hiện ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo. Đây được coi là tình tiết giảm nhẹ mới cần xem xét áp dụng tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo mà cấp sơ thẩm chưa có điều kiện để xem xét. Hiện tại sức khỏe của bị cáo không được tốt, đang phải điều trị bệnh lao phổi. Do có tình tiết giảm nhẹ mới vì vậy kháng cáo xin được giảm mức hình phạt tù của bị cáo là có căn cứ được chấp nhận.

* Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Chu Nguyễn T và Triệu Văn B, HĐXX xét thấy: Hai bị cáo Tài, B tại phiên tòa phúc thẩm thừa nhận hành vi phạm tội của mình, thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đúng người, đúng tội, không oan sai.

Về nhân thân: Bị cáo Chu Nguyễn T năm 2016 đã bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn xét xử phạt 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội: “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. Bị cáo Triệu Văn B năm 2009 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn xét xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng về tội “Đánh bạc”. Cả hai bị cáo tính đến thời điểm phạm tội đều đã được xóa án tích.

Trong quá trình điều tra vụ án, ngày 19/12/2020 bị cáo Chu Nguyễn T đã đến cơ quan điều tra tự nguyện nộp lại số tiền 550.000đ (Năm trăm năm mươi nghìn đồng) mà bị cáo dùng để đánh bạc trong vụ án, đây là tình tiết đầu thú được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự của bị cáo nhưng cấp sơ thẩm chưa xem xét áp dụng cho bị cáo.

Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo cung cấp các tình tiết giảm nhẹ mới, cụ thể: Bị cáo Triệu Văn B và Chu Nguyễn T nộp giấy xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của UBND xã nơi các bị cáo cư trú; các bị cáo cung cấp biên lai thu tiền phạt bổ sung theo bản án sơ thẩm trong đó có bị cáo Tài nộp 7.200.000đ (Bảy triệu đồng), bị cáo B nộp 4.000.000đ (Bốn triệu đồng); và Triệu Văn B cung cấp các tài liệu: 04 Giấy chứng nhận huy chương của ông Triệu Văn P; 02 Giấy chứng nhận có thời gian công tác xyz; Giấy chứng nhận đeo huy chương; 01 Giấy chứng nhận tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất; 01 Giấy chứng nhận đeo huân chương của ông Triệu Văn P có quan hệ là chú ruột của bị cáo B (vì bố chết sớm nên chú ruột là người nuôi dạy bị cáo từ khi bố chết). Bị cáo Chu Nguyễn T cung cấp Huân chương kháng chiến hạng nhất, huân chương 60 năm tuổi Đảng của ông Hoàng Hữu H có quan hệ là ông Ngoại của bị cáo.

Xét thấy, các bị cáo Triệu Văn B và Chu Nguyễn T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới chưa được cấp sơ thẩm xem xét, các bị cáo có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, là lao động thuần túy, trụ cột trong gia đình, chấp hành tốt nghĩa vụ công D tại địa phương, có đơn xác nhận của chính quyền nơi cư trú xét thấy có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt án treo đối với các bị cáo cũng đủ răn đe và phòng ngừa chung, vì vậy HĐXX chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Số tiền các bị cáo nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo.

Kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Chấp nhận kháng cáo xin giảm mức hình phạt tù cho bị cáo Âu Đình B và Trần Văn N và kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Chu Nguyễn T, Triệu Văn B; Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 45/2021/HS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Điều 63 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn N 07 (B) tháng 25 (hai năm) ngày tù.

Do thời hạn tù bằng thời hạn đã tạm giữ, tạm giam nên HĐXX quyết định trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam, tạm giữ về một tội khác.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 63 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Âu Đình B 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại cải tạo chấp hành án.

2.3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Xử phạt bị cáo Triệu Văn B 10 (mười) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 20 (hai mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp Triệu Văn B thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ công dân từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Xử phạt: Bị cáo

Chu Nguyễn T 08 (tám) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp Chu Nguyễn T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ công dân từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh;
- VKS huyện C;
- TA huyện C;
- CA huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Sở tư pháp tỉnh;
- Các bị cáo (Theo đ/c);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Quang Huy